

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ TUY HÒA Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH PHÚ YÊN

Bản án số: 11 /2019/HNGĐ-ST

Ngày 28/02/2019

Về việc “*tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Khắc Hiếu;

2. Bà Đào Thị Ngâm

-Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 456/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai T – sinh năm 1984; Trú tại: tổ M, khu phố N, phường B, TP T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Đặng Quang H – sinh năm 1980; Trú tại: đường N, phường B, TP T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai T trình bày: chị và anh H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND phường S, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số NN quyền số 01/2009 ngày 03/6/2009. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, anh

H thường chơi cờ bạc, trai gái, không quan tâm gì đến gia đình. Mặc dù chị T đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh H vẫn không thay đổi. Vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và mâu thuẫn ngày càng lớn, không thể hàn gắn được. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị tòa giải quyết ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Đặng Gia G – sinh ngày 09/02/2011. Hiện nay cháu G đang ở với chị T. Ly hôn, chị T yêu cầu giao cháu G cho chị T nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

-Bị đơn anh Đặng Quang H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do và không trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa:

-Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

-Bị đơn vắng mặt không trình bày.

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên cần xét xử vắng mặt;

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Áp dụng các quy định tại Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại: đường N, phường B, TP T, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đặng Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3]Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND phường S, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số NN quyền số 01/2009 ngày 03/6/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để hòa giải với chị T, anh H chuyển đi nơi khác sống không chung sống với chị T từ năm 2017 đến nay, do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T, chị T được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Đặng Gia G – sinh ngày 09/02/2011. Hiện nay cháu G đang sống với chị T, chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: thời gian vợ chồng ly thân, anh H không trực tiếp nuôi con, quá trình Tòa án giải quyết không ý kiến gì về việc nuôi con, bản thân cháu G có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

[1]Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2017. Chị Nguyễn Thị Mai T được ly hôn với anh Đặng Quang H.

[2]Về con chung: chị Nguyễn Thị Mai T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đặng Gia G – sinh ngày 09/02/2011, anh Đặng Quang H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bên không trực tiếp nuôi

con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]Về tài sản chung: không giải quyết.

[4]Về án phí: chị Nguyễn Thị Mai T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005330 ngày 15/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

[5]Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- *TA tỉnh Phú Yên;*
- *VKSND TP Tuy Hòa;*
- *Chi cục THADS TP Tuy Hòa;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Ngọc Hà